

LỢI ÍCH VÀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI QUẢNG NAM

THÁI THẢO NGỌC*

TÓM TẮT

Tỉnh Quảng Nam có nhiều tiềm năng để phát triển loại hình du lịch cộng đồng, đặc biệt tại các khu vực làng quê, miền núi, nơi đời sống văn hóa tạo được nét đặc trưng và mới mẻ đối với du khách. Du lịch cộng đồng tại tỉnh Quảng Nam dù vẫn ở bước đầu khai phá nhưng đã mang lại nhiều lợi ích của sự phát triển du lịch bền vững. Bài viết trình bày sự thay đổi cách nhìn nhận về hướng phát triển du lịch, về cách làm du lịch tạo ra thu nhập bền vững từ các cấp quản lý đến người dân trong cộng đồng, sự thay đổi trong nhận thức về bảo tồn những giá trị văn hóa và tài nguyên môi trường của tỉnh Quảng Nam.

Từ khóa: du lịch cộng đồng, lợi ích.

ABSTRACT

Benefits of and directions for developing tourism in Quang Nam

Quang Nam has potentials to develop community tourism, especially in its villages and mountainous areas whose local culture is special and strange to tourists. Although still in its early stages of development, community tourism has brought about some benefits of sustainable tourism development. The article presents the changes in the view of directions for developing tourism, ways of operating tourism to create stable incomes from managerial levels to community members, changes in the awareness of preserving cultural values and environmental resources of Quang Nam province.

Keywords: community tourism, benefit.

1. Mở đầu

Trong những năm qua, ngành du lịch tỉnh Quảng Nam đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội, và đang khẳng định vị trí vai trò của mình vào thu nhập GDP của Tỉnh. Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng và phát triển nhiều loại hình du lịch, lựa chọn phương hướng phát triển du lịch phù hợp với tiềm năng tạo ra các sản phẩm du lịch có khả năng cạnh tranh để có thể thu hút khách du lịch là hết sức cần thiết và cấp

bách. Trong đó, loại hình du lịch cộng đồng là một thế mạnh của ngành du lịch Việt Nam nói chung và du lịch tại tỉnh Quảng Nam nói riêng. Đây là loại hình du lịch mới lạ, có khả năng thu hút du khách trong và ngoài nước.

Tỉnh Quảng Nam có nhiều tiềm năng để phát triển loại hình du lịch cộng đồng, đặc biệt là tại các khu vực làng quê, miền núi, nơi đời sống văn hóa tạo được nét riêng, nét mới mẻ đối với du khách. Những hoạt động của du lịch cộng

* ThS, Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao Khoa học công nghệ và Dịch vụ;
Email: thaithaongoc@yahoo.com

đồng đã góp phần tạo ra những lợi ích về kinh tế và làm thay đổi ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn cảnh quan tự nhiên cũng như những giá trị vật chất và văn hóa truyền thống của địa phương.

Qua tổng hợp và phân tích, với bài viết “Lợi ích và các định hướng sự phát triển du lịch cộng đồng tại Quảng Nam”, chúng tôi sẽ trình bày ba nội dung chính sau đây:

- (i) Khái niệm về du lịch cộng đồng;
- (ii) Lợi ích của sự phát triển cộng đồng;
- (iii) Định hướng của sự phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Quảng Nam.

2. Khái niệm về phát triển du lịch cộng đồng

Thuật ngữ *Du lịch cộng đồng* được xuất phát từ hình thức khách du lịch tham quan những làng bản, tìm hiểu về cuộc sống hàng ngày của người dân từ các nền văn hóa khác nhau. Một số du khách tìm đến những nơi có dân cư thưa thớt, điều kiện sinh hoạt đi lại và hỗ trợ rất khó khăn, vì vậy họ rất cần sự trợ giúp của người dân bản địa như dẫn đường để tránh lạc, nơi ở qua đêm, ăn uống... Họ được người dân địa phương giúp đỡ, cung cấp các dịch vụ; khi đó, du khách gọi đây là chuyến du lịch có sự hỗ trợ của người bản xứ – đây là tiền đề để phát triển loại hình du lịch dựa vào cộng đồng.

Trong quá trình phát triển, du lịch cộng đồng được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Mỗi cách định nghĩa nêu bật lên một khía cạnh của hình thức du lịch cộng đồng.

Nhà nghiên cứu Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas đưa ra khái niệm *du lịch cộng đồng*: “*Du lịch cộng đồng* là một hình thái du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lí. Lợi ích kinh tế có được từ du lịch sẽ đọng lại nền kinh tế địa phương” [4]. Theo định nghĩa này, cộng đồng được nêu bật lên với vai trò chính trong vấn đề phát triển du lịch ngay trên địa bàn họ quản lí. Họ cũng chính là chủ thể thu lợi trực tiếp từ hoạt động này.

Tổ chức mạng lưới du lịch cộng đồng vì người nghèo đã nêu: “*Du lịch cộng đồng* là một loại hình du lịch bền vững thúc đẩy các chiến lược vì người nghèo trong môi trường cộng đồng. Các sáng kiến của *Du lịch cộng đồng* nhằm vào mục tiêu thu hút sự tham gia của người dân địa phương vào việc vận hành và quản lí các dự án du lịch nhỏ như một phương tiện giảm nghèo và mang lại thu nhập thay thế cho cộng đồng. Các sáng kiến của *Du lịch cộng đồng* còn khuyến khích tôn trọng các truyền thống và văn hóa địa phương cũng như các di sản thiên nhiên” [6].

Từ việc nghiên cứu các khái niệm về du lịch dựa vào cộng đồng, Võ Quế đã đưa khái niệm Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng vào trong sách của mình: “*Du lịch dựa vào cộng đồng* là phương thức phát triển du lịch trong đó cộng đồng dân cư tổ chức cung cấp các dịch vụ để phát triển du lịch, đồng thời tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đồng thời cộng đồng được hưởng quyền lợi về vật chất và tinh thần từ phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên” [1].

Nói tóm lại, *du lịch cộng đồng* là loại hình du lịch mà trong đó cộng đồng sẽ trực tiếp tham gia các hoạt động du lịch như khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên du lịch thông qua sự giúp đỡ của các cơ quan tài trợ hay các tổ chức phi chính phủ. Lợi ích thu được từ du lịch sẽ đóng góp nhiều cho kinh tế địa phương - giảm tỉ lệ đói nghèo, cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng đời sống. Khách du lịch được nâng cao nhận thức, học hỏi về cộng đồng và về cuộc sống đời thường, văn hóa, truyền thống của người dân bản xứ. Đồng thời, du lịch cộng đồng giúp giữ gìn, bảo tồn các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương và hướng đến sự phát triển du lịch bền vững.

3. Lợi ích của sự phát triển du lịch cộng đồng

3.1. Tạo thu nhập bền vững

Du lịch có thể cung cấp công việc trực tiếp đến các cư dân địa phương, hoặc có thể tài trợ một số hoạt động thông qua việc phổ biến lợi tức từ các điểm du lịch. Các lợi tức này có thể thu được từ những nguồn, như: phí vào cửa, cho thuê đất bên trong các khu du lịch... và cũng từ du khách chi tiêu bên ngoài điểm du lịch như việc lưu trú, thức ăn, đồ thủ công mỹ nghệ.

Thực tế cho thấy, du lịch cộng đồng không cần đầu tư quá nhiều kinh phí, lại giúp cộng đồng dân cư làm du lịch có cơ hội tăng thu nhập, cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống về cả vật chất lẫn tinh thần, đồng thời vẫn giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa, bảo vệ cảnh quan môi trường và phục vụ nhu cầu khám phá, tìm hiểu, trải nghiệm của du khách.

Trong thời gian qua, việc phát triển theo hướng du lịch cộng đồng đang đem lại cho tỉnh Quảng Nam những hiệu quả rõ rệt trong cải thiện đời sống tại các làng, bản miền núi. Một số dự án như “Du lịch dựa vào cộng đồng Cơ Tu” do Tổ chức Cứu trợ và Phát triển quốc tế (FIDR) phối hợp với UBND huyện Nam Giang tổ chức tại xã Ta Bhing. Dự án này không giống như các dự án du lịch cộng đồng đã được triển khai trước đây, nó tập trung vào mục tiêu chính là phát huy tính chủ động của cộng đồng với việc kết nối nhiều thành phần tham gia. Dự án được triển khai từ tháng 4/2012, đến nay đã đi được nửa chặng đường, và đã có 27 đoàn với số lượng 381 khách, chủ yếu là khách châu Âu và Nhật Bản đến tham quan; tổng thu nhập của địa phương từ hoạt động du lịch này đạt gần 136 triệu đồng [5]. Dự án “Tăng cường hoạt động du lịch tại các huyện sâu trong đất liền Quảng Nam giai đoạn 2011-2013” do Chính phủ Luxembourg tài trợ thông qua đối tác là Tổ chức Lao động Quốc tế ILO và sự tham gia nhiều ngành, đoàn thể của tỉnh Quảng Nam với mục tiêu giảm nghèo thông qua tạo việc làm bền vững trong ngành du lịch. Dự án này đã tạo ra 44 lao động tại chỗ có việc làm ổn định, 4 gia đình có dịch vụ homestay cho du khách [8]. Thông qua dự án, đã có sự thay đổi rõ rệt tác động tích cực đến đời sống người dân. Đó là nhận thức của người dân trong vùng dự án được nâng lên rõ rệt, từ sản xuất riêng lẻ thì nay người dân tham gia sản xuất tập thể, tham gia vào tổ hợp tác để có điều kiện giúp đỡ

nhau trong quá trình dệt các sản phẩm thổ cẩm phục vụ du khách. Người dân biết tiếp cận thị trường, đổi mới mẫu mã sản phẩm, dệt theo đơn đặt hàng, theo thị hiếu của du khách, tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm... Dự án được thực hiện trong vài năm qua với những hoạt động tích cực đã góp phần làm cho người dân tiến bộ về nhận thức và đời sống của nhân dân 2 thôn Bhoông (xã Sông Kôn) và Đơ Rông (xã Tà Lu) từ doanh thu của hai làng nghề đạt 180 triệu đồng và giúp các thành viên trong tổ hợp tác có thu nhập gia đình tăng thêm 700 ngàn đồng/tháng. [8]

Tại di sản Mỹ Sơn, mô hình du lịch homestay tại thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú bước đầu thu được những thành công nhất định. Mô hình này đã tạo điều kiện để du khách lưu trú tại làng du lịch cộng đồng, làm quen với cuộc sống của người dân, tìm hiểu giá trị văn hóa bản địa thay vì việc du khách chỉ đến Mỹ Sơn trong thời gian ngắn rồi về Hội An, Đà Nẵng, đồng thời giúp người dân có thêm thu nhập, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của họ trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Đặc biệt, mô hình du lịch cộng đồng tại Cù Lao Chàm do chính cộng đồng hướng dẫn và phục vụ khách đạt hiệu quả cao, góp phần quan trọng vào cải thiện kinh tế gia đình. Năm 2009, lượng khách đến Cù Lao Chàm khoảng 10.000 người/năm thì đến cuối 2013 đã có hơn 176.000 người/năm. Riêng 4 tháng đầu năm 2014, Cù Lao Chàm đã đón hơn 40 nghìn lượt khách tham quan,

du lịch; cao điểm, có ngày Cù Lao Chàm đón khoảng 2 - 3 nghìn lượt khách [9]. Lượng du khách gia tăng đã và đang góp phần phát triển kinh tế và tạo thu nhập cho Cù Lao Chàm.

Mặc dù doanh thu từ du lịch cộng đồng ở Quảng Nam chưa cao, nhưng nó đã cung cấp trực tiếp việc làm đến các cư dân địa phương tạo thu nhập bền vững và đang hứa hẹn mở ra hướng phát triển mới trong hoạt động du lịch.

3.2. Bảo tồn văn hóa truyền thống

Du lịch cộng đồng là một loại hình du lịch mới, mang lại lợi ích không chỉ về kinh tế, xã hội mà còn góp phần bảo tồn văn hóa của các dân tộc các địa phương, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn cảnh quan tự nhiên của vùng.

Những thành tựu văn hóa mà tỉnh Quảng Nam đã đạt được trong những năm gần đây một phần là nhờ biết dựa vào sức dân, phát huy vai trò và hướng đến lợi ích của cộng đồng. Việc hướng trọng tâm vào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Thôn/bản văn hóa” đã mang lại sức mạnh nội lực cho Quảng Nam trong việc bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa, tạo chuyển biến đáng kể trong đời sống sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Chính nhờ vào nguồn nội lực mạnh mẽ từ trong nhân dân, mà tỉnh Quảng Nam đã giữ gìn, bảo vệ và phát triển được bề dày văn hóa của vùng đất được mệnh danh là “đất văn hóa”, “đất khoa bảng”, “đất địa linh nhân kiệt”.

Tại các huyện miền núi Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang, để duy trì những nét đẹp văn hóa truyền thống đó,

con người tại các bản làng đã nỗ lực trong công tác bảo tồn văn hóa bản địa bằng cách chú trọng đầu tư phát triển du lịch gắn với văn hóa truyền thống của đồng bào để nét đẹp văn hóa vùng cao không bị mai một. Hơn nữa, khi phát triển du lịch, đồng bào được hưởng lợi từ chính văn hóa của mình khi phục vụ du khách.

Làng văn hóa du lịch Bơ Hông 1 (xã Sông Kôn, huyện Đông Giang), dù không phải là làng kiêu mẫu của đồng bào Cơ Tu, nhưng Bơ Hông 1 được biết đến với màu sắc văn hóa truyền thống còn khá nguyên vẹn. Từ cấu trúc gươl làng, nghệ thuật điêu khắc cho đến không gian moong (nhà sinh hoạt truyền thống) được dựng, tạo thành vòng tròn khép kín theo nguyên mẫu làng Cơ Tu cổ. Người làng Bơ Hông bây giờ “lấy văn hóa để làm du lịch”, phục vụ du khách gắn với công tác bảo tồn trước nguy cơ biến dạng của xu thế hiện đại hóa trong nhận thức của nhiều người vùng cao. Hay như làng Atu (xã Ch'ôm, huyện Tây Giang), nét truyền thống vẫn in đậm trong từng góc làng. Cuộc sống có nhiều đổi thay nhưng không gian văn hóa làng, ẩm thực truyền thống... vẫn còn khá nguyên vẹn.

Với đồng bào Cơ Tu, những cái tên làng như Tà Vàng (xã A Tiêng), A Noonh (xã A Nông), Aràng I (xã A Xan, huyện Tây Giang); Đhrông (xã Tà Lu), Bơ Hông (xã Sông Kôn, huyện Đông Giang); Za Ra (xã Ta Bhing, huyện Nam Giang)... trở thành biểu tượng về công tác bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của đồng bào bản địa. Được sự hỗ

trợ của Tổ chức Cứu trợ và Phát triển Quốc tế (FIDR), sau gần 2 năm đi vào hoạt động, dự án đã thực hiện được 30 tour thử nghiệm và có tác động trực tiếp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương [7]. Thu nhập của đồng bào được cải thiện, có tác động tích cực đến việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của người Cơ Tu. Các hoạt động du lịch còn góp phần đáng kể trong công tác bảo vệ môi trường và gắn kết cộng đồng.

Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận vẫn còn rất nhiều khó khăn trên con đường phát triển, nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng tại nhiều làng, nhiều vùng khác của tỉnh Quảng Nam để kết nối các điểm đến với nhau, tăng cường mối quan hệ bền chặt giữa cộng đồng, chính quyền, các doanh nghiệp lữ hành, cũng như đề duy trì những thành công đã đạt được.

3.3. Nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên môi trường của người dân địa phương

Nhu cầu du lịch của du khách là muốn nghỉ ngơi tại những khu vực có nhiều cảnh đẹp và có môi trường trong lành, điều đó đã kích thích việc tôn tạo, bảo vệ môi trường sinh thái. Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường trên toàn cầu hiện nay thì việc phát triển du lịch cộng đồng là một trong những giải pháp khả thi, góp phần vào việc giáo dục cả du khách lẫn cộng đồng dân cư về vấn đề bảo vệ môi trường.

Cộng đồng dân cư sẽ nhận thức được rằng khi giữ gìn môi trường là họ đang giữ gìn chính môi trường sống của

họ, thu nhập của gia đình họ.

Tại khu du lịch sinh thái Cù Lao Chàm, ngoài vẻ đẹp quyến rũ của một màu xanh biếc nguyên sơ của cây rừng nối liền với màu xanh của biển bằng dải lụa cát trắng mịn màng, không ít du khách sẽ ngạc nhiên khi không còn thấy rác thải hay túi nilon tại đây. Người dân thực hiện nghiêm túc chỉ thị của thành phố Hội An (từ giữa năm 2009) về việc không sử dụng túi nilon trên đảo cũng như giữ gìn vệ sinh môi trường. Hơn 600 hộ dân nơi đây đồng lòng tẩy chay những chất gây hại không chỉ đối với môi trường mà còn có nguy cơ ảnh hưởng tới các thế hệ con cháu của họ sau này. Thậm chí ở chợ còn có tấm bảng với khẩu hiệu “Xách giỏ đi chợ, phong cách của người nội trợ” và hình minh họa nói không với túi nilon, đủ thấy quyết tâm của những người dân thế nào. Bà con dân đảo được thành phố và một số doanh nghiệp hỗ trợ trong việc tăng cường sử dụng túi giấy nên ngày nào cũng có cán bộ tới phát túi miễn phí. Du khách không mang túi nilon ra đảo và được khuyến khích dùng túi giấy.

Thời gian qua, hoạt động du lịch ngày càng phát triển hơn tại xã đảo Tân Hiệp. Thôn Bãi Hương cũng không đứng ngoài xu thế đó. Cộng đồng dân cư đã tạo ra nhiều sản phẩm du lịch từ tài nguyên biển đảo, đáp ứng nhu cầu của khách tham quan, cải thiện sinh kế. Thôn Bãi Hương (xã đảo Tân Hiệp, Hội An) là điển hình về đa dạng sinh học, đa dạng các nguồn tài nguyên biển đảo. Từ khi Quảng Nam thông qua quy chế quản lý Tiểu khu đồng

quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương đến nay, chính người dân nơi đây đã trực tiếp quản lý, sử dụng và bảo vệ đa dạng các nguồn tài nguyên biển đảo. Từ khi được trực tiếp quán xuyến mọi hoạt động khai thác, bảo vệ tài nguyên biển đảo, cộng đồng dân cư thôn Bãi Hương đã điều phối rất tốt. Những nhà quản lý “chân đất” đã trực tiếp tổ chức sử dụng đi đôi với bảo vệ môi trường, tài nguyên biển đảo. Qua việc kết nối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu, họ đã kịp thời ứng dụng các chính sách quản lý mới, đem lại hiệu quả cao trong đồng quản lý”. Trước khi Tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương được thành lập, nguồn lợi hải sản, đa dạng sinh học tại đây luôn bị đặt trong tình trạng báo động do khai thác trái phép, nhưng từ khi Tiểu khu ra đời đến nay, tài nguyên biển đảo ở đây được bảo vệ hợp lý. Điều cốt yếu là Tiểu khu đồng quản lý thôn Bãi Hương đã giải quyết thấu đáo xung đột trong khai thác nguồn lợi giữa người dân nơi đây với cộng đồng bên ngoài; xây dựng kế hoạch hành động và cơ chế tài chính thích hợp để duy trì hoạt động; tìm kiếm các loại hình sinh kế bổ trợ, thay thế để hạn chế cường lực khai thác hải sản.

Sau thời gian 3 năm hoạt động của Dự án bảo tồn hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải, Núi Thành, cộng đồng địa phương mà cụ thể là thôn Thuận An, xã Tam Hải đã xây dựng được Khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải. Cộng đồng đã được tiếp cận các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo, nâng cao năng lực, nghiên cứu, cải

thiện sinh kế, quy hoạch, phân vùng, tuần tra và giám sát. Kết quả lớn nhất của dự án bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải là cộng đồng đã xác định được các đối tượng ưu tiên cần được bảo vệ bao gồm rạn san hô, thảm cỏ biển, rong biển, bãi biển, tôm hùm. Cộng đồng đã xác định phạm vi bảo tồn, và các vùng chức năng để bảo vệ; xây dựng được quy chế quản lý khu bảo vệ và một tổ chức cộng đồng bao gồm một ban quản lý và các tổ công tác tuần tra, giám sát, sinh kế du lịch, thu gom rác thải.

Như vậy, các khu bảo tồn cấp cộng đồng với mục tiêu hỗ trợ cho sự tham gia của người dân địa phương, nâng cao trách nhiệm và chia sẻ lợi ích của mình vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển nguồn lợi, sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường tại khu vực với cấp độ thôn, xã, huyện... đã và đang góp phần nâng cao và làm hiệu quả hơn sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước vào lĩnh vực này. Phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm đã và đang có nhiều dấu hiệu tích cực, hiệu quả tại các khu bảo tồn/bảo vệ cấp cộng đồng.

4. Định hướng phát triển của du lịch cộng đồng tại Quảng Nam

4.1. Xây dựng sản phẩm du lịch

Cộng đồng địa phương là “nhân tố cốt lõi” xuyên chuỗi và chuyển tải các giá trị của sản phẩm du lịch đến du khách. Từ đó, cộng đồng địa phương, đặc biệt là các hộ dân tham gia trực tiếp, phải tự ý thức một cách nghiêm túc trong quá trình xây dựng, đảm bảo và duy trì chất lượng sản phẩm du lịch phục vụ cho du khách.

Chất lượng của sản phẩm du lịch được du khách cảm nhận một cách tinh tế về mặt tinh thần và sự thụ hưởng các giá trị vật chất. Sự cảm nhận tốt và ấn tượng từ du khách cần được bắt đầu từ chính thái độ tiếp đón ân cần, sự am hiểu về môi trường sống cả tự nhiên lẫn nhân văn, cách làm minh bạch từ chính cộng đồng địa phương. Giao tiếp tạo sự gần gũi và thân thiện chưa phải là hiệu quả tốt nhất trong quá trình tương tác giữa du khách và cộng đồng địa phương. Sự hiệu quả trong quá trình giao tiếp giữa du khách và cộng đồng còn cần được tính đến sự diễn đạt thông tin một cách chính xác và súc tích. Vì vậy, rào cản về mặt ngoại ngữ cần được khắc phục từ chính sự nỗ lực của những hộ dân khi triển khai các hoạt động và sản phẩm du lịch từ chính gia đình mình trong quá trình đón tiếp các du khách quốc tế. Văn hóa bản địa là yếu tố tạo nên tính độc đáo, tạo ấn tượng tốt cho du khách. Việc gìn giữ, bảo tồn và thực hiện các thói quen văn hóa một cách rất đời thường chứ không phải “văn hóa diễn” là nội dung cần được cộng đồng nhận thức một cách thấu đáo để tạo nên những giá trị văn hóa đích thực của đời sống hàng ngày, để du khách hiểu đủ và hiểu đúng những gì đang diễn ra. Nên nhận diện lại những điều kiện cơ sở vật chất tại chính gia đình để có kế hoạch đầu tư làm mới hoặc tu bổ nhằm đảm bảo những điều kiện tối thiểu về mặt sinh hoạt đời thường cho du khách, nhưng cũng tránh việc làm mới lại hoàn toàn một cách máy móc gây tổn hại cho những giá trị vật chất truyền thống

của gia đình hoặc ảnh hưởng đến bố cục không gian nói chung của địa phương.

4.2. Tối đa hóa lợi ích kinh tế và xã hội cho người dân địa phương

Mô hình du lịch cộng đồng mang tính chất cùng ăn cùng ở, cùng sinh hoạt với người dân, góp phần tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương. Do đó, sự tham gia của cộng đồng địa phương là yếu tố quyết định việc hình thành và tạo nên thành công cho loại hình du lịch này.

Một trong những điều kiện cơ bản để có thể xóa đói giảm nghèo đó là hàng hóa và dịch vụ trong ngành du lịch phải là một chuỗi cung ứng, nhiều nhất có thể, đến từ các địa phương, vùng miền. Mục tiêu hướng tới là tối đa hóa tiêu dùng cho ngành du lịch và lợi ích đó được giữ lại ở cộng đồng địa phương, quá trình này có sự tham gia của người dân địa phương. Biện pháp nêu trên giúp hỗ trợ các kỹ năng và hoạt động truyền thống của vùng nông thôn, nâng cao chất lượng và định vị sản phẩm du lịch địa phương, giúp ổn định các nguồn thu nhập cho người dân. Người dân địa phương có thể tìm kiếm lợi nhuận từ du lịch thông qua việc bán các sản phẩm và dịch vụ, chẳng hạn: hoa quả, đồ thủ công, hướng dẫn du lịch... và họ sẽ trực tiếp thực hiện việc cung cấp đó. Du khách tham quan tại các điểm đến sẽ có một số hoạt động trao đổi mua bán nhỏ, lẻ. Điều này có thể giúp tăng thu nhập cho người nghèo, đồng thời đem lại những trải nghiệm đầy màu sắc và bổ ích cho du khách.

4.3. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng,

cơ sở vật chất kỹ thuật gắn kết với phát triển du lịch

Phát triển ngành du lịch, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng mới khai thác, có thể bao gồm cả công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, chẳng hạn như xây dựng đường sá, hệ thống cung cấp nước và năng lượng, vệ sinh môi trường và phát triển văn hóa cộng đồng. Với việc lập kế hoạch một cách cẩn thận, cơ sở hạ tầng sẽ đem lại những lợi ích tích cực cho người nghèo thông qua việc cung cấp cho họ những dịch vụ cơ bản, mở ra đường giao thông và tiếp cận nhanh hơn với thị trường.

Cần tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch tại một số điểm, tuyến du lịch làng văn hóa để phát triển du lịch cộng đồng được thuận lợi. Bên cạnh đó, cũng cần có sự quy hoạch tổng thể về không gian, kiến trúc và một số mẫu thiết kế xây dựng nhà ở truyền thống, đặc biệt là nhà rông, các di tích lịch sử; đầu tư phát triển văn hóa công chiêng và các làng nghề truyền thống phù hợp với không gian theo mô hình du lịch cộng đồng tại các địa bàn dân cư và địa phương.

4.4. Tạo môi trường du lịch thân thiện, an toàn và văn minh

Thời gian qua, du lịch Quảng Nam đã khẳng định được vị thế của mình, xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển du lịch tầm ngắn và dài hạn, đảm bảo môi trường du lịch văn minh, an toàn và thân thiện... Với tài nguyên du lịch phong phú, Quảng Nam hoàn toàn có thể khai thác đa dạng các loại hình du lịch và thu hút hàng triệu du khách mỗi năm. Để đạt

được điều đó, ngoài việc đầu tư hạ tầng, xúc tiến, quảng bá... thì yếu tố quan trọng nhất vẫn là sự “thân thiện” của cộng đồng dân cư.

Hiện nay, những người trực tiếp tham gia hoạt động du lịch tại các khu, điểm dã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút khách du lịch. Đặc biệt, đối với cộng đồng dân cư - những người được hưởng lợi trực tiếp từ du lịch và tiếp xúc trực tiếp với khách du lịch - cũng cần có những cách làm tích cực nhằm để lại ấn tượng tốt trong lòng du khách. Trước hết, cần chuyên nghiệp trong cách phục vụ, có thái độ, hành động, lời nói thích hợp trong việc ứng xử. Bên cạnh đó, mỗi người làm du lịch cần tự nâng cao vốn hiểu biết, kiến thức để tự hoàn thiện bản thân... Và quan trọng nhất là luôn luôn nở nụ cười “hài lòng” khi tiếp xúc với khách du lịch. Nụ cười chính là sự phản chiếu và bao hàm cho giá trị của sự thân thiện.

Mặt khác, để tạo niềm tin và sức hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, tỉnh Quảng Nam cần kiên quyết loại bỏ những cơ sở kinh doanh ăn uống

vi phạm pháp luật; giảm thiểu các tác động tiêu cực tới di sản văn hóa, di sản thiên nhiên, môi trường; đồng thời, tăng cường bảo đảm an ninh cho du khách, cũng như giữ gìn môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp.

5. Kết luận

Có thể nói rằng, phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Quảng Nam trên quan điểm bền vững, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, đã đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế, tạo thành động lực thúc đẩy các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội khác.

Với lợi thế về các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và sự đa dạng về phong tục tập quán vùng miền, du lịch cộng đồng là một hình thức du lịch phù hợp và dễ phát triển tại tỉnh Quảng Nam. Như vậy, có thể thấy, tuy là loại hình du lịch còn khá mới nhưng du lịch cộng đồng hứa hẹn sẽ trở thành một loại hình du lịch phát triển mạnh trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng lí thuyết và vận dụng*, tập 1, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
2. Thủ tướng Chính phủ (2004), *Quyết định số 201/QĐ-TTg, ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”*.
3. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Du lịch cộng đồng*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Nicole Hausler and Wolfgang Strasdas (2000), *community Based Sustainable Tourism A Reader*.

5. <http://www.baoquangnam.com.vn/du-lich/201403/du-an-du-lich-dua-vao-cong-dong-tai-xa-ta-bhing-nam-giang-gan-voi-bao-ton-van-hoa-465588/>
6. <http://www.community-tourism.org>
7. <http://citinews.net/xa-hoi/nhat-ban-ho-tro-quang-nam-phat-trien-du-lich-dua-vao-cong-dong-R2ZI2ZI/>
8. <http://www.vhntdlqnam.gov.vn/vi/news/Du-lich/Hoi-nghi-tong-ket-3-nam-du-an-Tang-cuong-hoat-dong-du-lich-tai-cac-huyen-sau-trong-dat-lien-tinh-Quang-Nam-255/>
9. http://vasi.gov.vn/khu-du-tru-sinh-quyen-the-gioi-cu-lao-cham-phat-trien-du-lich-sinh-thai-gan-voi-cong-dong_852.news.htm

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 08-8-2014; ngày phản biện đánh giá: 21-8-2014;
ngày chấp nhận đăng: 24-02-2016)

CÁC SỐ TẠP CHÍ KHOA HỌC SẮP TỚI:

- Số 3(81)/2016: Khoa học tự nhiên và công nghệ
- Số 4(82)/2016: Khoa học giáo dục
- Số 5(83)/2016: Khoa học xã hội và nhân văn.

Ban biên tập Tạp chí Khoa học rất mong nhận được sự trao đổi thông tin của các đơn vị bạn và được bạn đọc thường xuyên cộng tác bài vở, góp ý xây dựng.